TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 14-6-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hòa
Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Ninh
Bà Nguyễn Thị Nga

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Minh Toản - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Văn Quang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 05/2023/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung".

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 01/2023/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã CT, tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXPT-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967 (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 2, phường Minh Hưng, thị xã CT, tỉnh B.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1981 (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 2, phường Minh Hưng, thị xã CT, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Huỳnh Nhật Q, sinh năm 1995 (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Hiệp Phước, xã Định Hiệp, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Người kháng cáo: Bị đơn Bà Phạm Thị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 15 tháng 02 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn L và Bà Phạm Thị Th sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại: Khu phố 02, phường Minh Hưng, thị xã CT, tỉnh B. Từ đầu năm 2022 thì vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Ông L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng không thể quay về chúng sống nên ông L yêu cầu ly hôn với Bà Phạm Thị Th.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm: 2015. Khi ly hôn ông L có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung gồm:

- 01 xe ô tô hiệu Innova mang biển số 93A- 13655, 01 mô tô hiệu SH biển số 93B – 25742, 01 tủ lạnh, 01 tủ đông lớn, 01 máy giặt, 01 máy nước nóng, 02 gường 1.6m, 01 giàn karaoke, 02 máy lạnh và hàng hóa trong kiot. Ngoài ra có 12 cây vàng trang sức bà Th đang giữ.

Khi ly hôn tài sản này ông L yêu cầu chia ½ và ông L nhận 01 xe ô tô hiệu Innova mang biển số 93A- 13655, 01 mô tô hiệu SH biển số 93B – 25742 và hàng hóa trong kiot. Giao cho bà Th 01 tủ lạnh, 01 tủ đông lớn, 01 máy giặt, 01 máy nước nóng, 02 gường 1.6m, 01 giàn karaoke, 02 máy lạnh và 12 cây vàng trang sức. Nếu ai nhận phần giá trị tài sản chênh lệch thì sẽ hoàn trả lại.

Đối với thửa đất số 918, tờ bản đồ số 24, diện tích đất 547,3m2, đất tọa lạc tại ấp 2, xã Minh Hưng, huyện C, tỉnh Bình, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BQ 206421, cấp ngày 28/10/2013 do UBND huyện Chơn Thành cấp đứng tên Nguyễn Văn L, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 100m^2 và 18 phòng trọ là tài sản riêng nên không đồng ý phân chia.

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn Bà Phạm Thị Th trong quá trình giải quyết vụ án có văn bản trình bày ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Th thống nhất như lời trình bày của ông L nêu trên về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn và nguyên nhân ly hôn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn hay cãi vã và ông L đánh bà Th. Do vợ chồng không thể hàn gắn và tình cảm vợ chồng cũng không còn nên trước yêu cầu ly hôn của ông L thì bà Th cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Bà Th đồng ý giao con chung cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con bà Th không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung gồm có:

- 01 phần diện tích khoảng 600m^2, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 100m^2 và 18 phòng trọ, 01 xe ô tô hiệu Innova mang biển số 93A- 13655,

01 mô tô hiệu SH biển số 93B – 25742, 01 tủ lạnh, 01 tủ đông lớn, 01 máy giặt, 01 máy nước nóng, 02 gường 1.6m, 01 giàn karaoke, 02 máy lạnh và hàng hóa trong kiot.

Khi ly hôn bà Th yêu cầu chia ½ tài sản chung và nhận tài sản là 01 tủ lạnh, 01 tủ đông lớn, 01 máy giặt, 01 máy nước nóng, 02 gường 1.6m, 01 giàn karaoke, 02 máy lạnh. Tài sản còn lại giao cho ông L và ông L có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản chênh lệch cho bà Th. Đối với tài sản chung 12 cây vàng trang sức mà ông L cho rằng bà Thđang cất giữ là không có nên yêu cầu của ông L chia đôi là không đồng ý.

Ngoài ra không còn yêu cầu giải quyết tài sản nào khác.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ông Huỳnh Nhật Q thống nhất với văn bản trình bày của Bà Phạm Thị Th về việc chia tài sản chung.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã CT, tỉnh B đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, 218, 227, 228, 264, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 33, 43, 47, 51, 56, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về tài sản chung:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung về chia tài sản chung của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Bà Phạm Thị Th về chia tài sản chung.

+ Giao cho ông Nguyễn Văn L quản lý sở hữu, sử dụng: 01 xe ô tô hiệu Innova mang biển số 93A- 13655, 01 tủ lạnh, 01 tủ đông lớn, 01 máy giặt, 01 máy nước nóng, 02 gường 1.6m, 01 giàn karaoke, 02 máy lạnh và hàng hóa trong kiot. *(Theo biên bản định giá ngày 01/6/2022).*

+ Giao bà Phạm Thị Th được quyền sở hữu sử dụng 12 cây vàng trang sức mà Bà Phạm Thị Th đang cất giữ.

+ Bà Phạm Thị Th có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản chênh lệch thành tiền cho ông Nguyễn Văn L là 138.000.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu đồng).

- Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của Bà Phạm Thị Th về việc rút yêu cầu không tranh chấp tài sản chung đối với thửa đất số 918, tờ bản đồ số 24, diện tích đất 547,3m^2, đất tọa lạc tại ấp 2, xã Minh Hưng, huyện C, tỉnh Bình, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BQ 206421, cấp ngày 28/10/2013 do UBND huyện Chơn Thành cấp đứng tên Nguyễn Văn L.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về quan hệ hôn nhân, người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con; án phí; chi phí tố tụng khác; nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án sơ thẩm bị kháng cáo như sau:

Ngày 20 tháng 3 năm 2023, bị đơn Bà Phạm Thị Th kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần chia tài sản. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

- Chia tài sản chung là căn nhà cấp 04, diện tích 100m^2 và 18 căn nhà trọ trên thửa đất số 918, tờ bản đồ số 24, diện tích đất 547,3m^2, đất tọa lạc tại ấp 2, xã Minh Hưng, huyện C, tỉnh B, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BQ 206421, cấp ngày 28/10/2013 do UBND huyện C cấp đứng tên Nguyễn Văn L là tài sản chung theo hướng bà Th nhận ½ giá trị bằng tiền là 293.796.450đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu chia 12 cây vàng vì không có căn cứ.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và Bà Phạm Thị Th cùng thống nhất rút yêu cầu khởi kiện về phần phân chia tài chung của vợ chồng, bà Thrút yêu cầu kháng cáo bản án sơ thẩm. Các đương sự đề nghị HĐXX phúc thẩm Hủy 1 phần bản án sơ thẩm về phần phân chia tài sản chung của vợ chồng và đình chỉ giải quyết vụ án về phần này.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện về phần phân chia tài chung của vợ chồng, bà Th rút yêu cầu kháng cáo bản án sơ thẩm. Đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy 1 phần bản án sơ thẩm về phần phân chia tài sản chung của vợ chồng và đình chỉ giải quyết vụ án về phần này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn Bà Phạm Thị Th làm trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn Bà Phạm Thị Th có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần phân chia tài sản chung của vợ chồng. Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 07/6/2023 các bên đương sự có văn bản thỏa thuận với nhau có nội dung: Ông Nguyễn Văn L và Bà Phạm Thị Th thống nhất rút yêu cầu khởi kiện phần phân chia tài sản chung của vợ chồng, bà Thrút yêu cầu kháng cáo bản án sơ thẩm. Các đương sự đề nghị HĐXX phúc thẩm Hủy 1 phần bản án sơ thẩm về phần phân chia tài sản chung của vợ chồng và đình chỉ giải quyết vụ án về phần này.

Xét các đương sự đều thống nhất rút yêu cầu khởi kiện, bà Th rút yêu cầu kháng cáo bản án sơ thẩm là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật được HĐXX chấp nhận, và hủy một phần bản án sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã CT, tỉnh B và đình chỉ giải quyết vụ án về phần giải quyết phân chia tài sản chung giữa các bên.

[3] Về án phí :

[3.1] Về án phí DSST

Án phí HNST: Ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0011779 ngày 30/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã CT, tỉnh B

Án phí DSST có giá ngạch các bên phải chịu là 44.640.000đ.

Các đương sự thỏa thuận như sau:

Ông L nộp số tiền 7.200.000đ còn lại theo biên lai thu tiền số: 0011779 ngày 30/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã CT, tỉnh B.

Bà Phạm Thị Th nộp 37.440.000đ, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Thđã nộp là 5.000.000đ theo biên lai thu tiền số: 0011770 ngày 25/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã CT, tỉnh B phần còn lại bà Th phải nộp thêm

[3.2] Về án phí DSPT: Bà Phạm Thị Th phải nộp 150.000đồng theo quy định.

Chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định tại chỗ và chi phí định giá là 5.000.000 bà Th chịu, được trừ vào tiền tạm ứng do bà Th đóng trước.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu rút đơn khởi kiện về phần phân chia tài sản chung của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và đơn yêu cầu phản tố của bị đơn Bà Phạm Thị Th.

Hủy phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã CT, tỉnh B về phần chia tài sản chung và đình chỉ xét xử phúc thẩm về phần này.

Về án phí DSST

- Án phí HNST: ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0011779 ngày 30/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã CT, tỉnh B

- Án phí DSST có giá ngạch các bên phải chịu là 44.640.000đ.

Các đương sự thỏa thuận như sau:

Ông L nộp số tiền 7.200.000đ còn lại theo biên lai thu tiền số: 0011779 ngày 30/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã CT, tỉnh B.

Bà Phạm Thị Th nộp 37.440.000đ, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Thđã nộp là 5.000.000đ theo biên lai thu tiền số: 0011770 ngày 25/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã CT, tỉnh B phần còn lại bà Th phải nộp thêm.

Về án phí DSPT: Bà Phạm Thị Th phải nộp 150.000đồng theo quy định.

Chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định tại chỗ và chi phí định giá là 5.000.000 bà Th chịu, được trừ vào tiền tạm ứng do bà Thđóng trước.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND thị xã Chơn Thành;
- Chi cục THADS thị xã Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, T.GĐ&NCTN
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Viết Hòa